

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-PT

Ngày: 27 - 02 - 2025

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLPT-DS ngày 15/11/2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 431/2024/QĐXX-PT ngày 16/12/2024.

1. Nguyên đơn: Ông Lê Nguyên N, sinh năm 1948; địa chỉ: Số F, L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Ông Nguyễn Văn X và ông Trần Minh T - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố H,

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Thanh T1, sinh năm 1980; địa chỉ: số C, ngõ B đường C, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2024);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Trần Việt H và ông Nguyễn Hải N1 - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956;

địa chỉ: Số F, L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Người làm chứng:

- Anh Hoàng Thanh T1, sinh năm 1980; địa chỉ: số C, ngõ B, đường C, phường V, quận H, thành phố Hà Nội;

- Chị Nguyễn Kiều O, sinh năm 1984; địa chỉ: số C, ngõ B, đường C, phường V, quận H, thành phố Hà Nội;

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989; địa chỉ: CH A, TTTM DVTH và NOCT, T, huyện T, thành phố Hà Nội;

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án

Tại phiên toà có mặt ông N, bà P, anh T1, ông X, ông T, ông H, ông N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Nguyên N trình bày:

Ông N là anh rể của ông Nguyễn Văn C, ông C là em trai bà Nguyễn Thị P (vợ ông N). Khoảng tháng 5 năm 2022, vợ chồng chị Nguyễn Kiều O, anh Hoàng Thanh T1 là con gái và con rể ông C nhận chuyển nhượng đất và ngôi nhà số F đường L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh của vợ chồng ông N, bà P với giá 16 tỷ đồng. Sau đó vợ chồng ông N đã nhờ chị O mua giúp 90 (chín mươi) cây vàng 9999. Do vợ chồng ông N tuổi cao, không có con cái, lại ở xa nên có nhờ ông C (bố chị O) giữ hộ 90 (chín mươi) cây vàng 9999. Việc ông C nhận giữ vàng giúp vợ chồng ông N có lập giấy biên nhận tại nhà vợ chồng ông N vào ngày 24/5/2022 do chính ông C viết với nội dung: “*ông Nguyễn Văn C nhận của ông Lê Nguyên N và bà Nguyễn Thị Phương 9 (chín mươi) cây vàng*”, ông N ký bên giao, ông C ký bên nhận, người làm chứng là chị Nguyễn Kiều O và anh Nguyễn Tiến D – đều là con ông C và anh Hoàng Thanh T1 (chồng của O) ký bên người làm chứng; bản gốc giấy biên nhận ông N giữ. Sau đó vợ chồng ông N có việc dùng đến tài sản nên đã nhiều lần yêu cầu ông C trả vàng cho vợ chồng ông nhưng ông C không trả, vì vậy ông N khởi kiện yêu cầu ông C phải trả cho vợ chồng ông N, bà P 90 (chín mươi) cây vàng 9999.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 09/8/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông C là anh Hoàng Thanh T1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn C là em trai bà Nguyễn Thị P (vợ ông Lê Nguyên N). Năm 2022, vợ chồng ông N bà P đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị Nguyễn Kiều O, anh Hoàng Thanh T1 là con gái và con rể ông C nhà đất tại số F L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh với giá 16 tỷ đồng. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, vợ chồng anh T1, chị O đã trả vợ chồng ông N số tiền 1.230.000.000 đồng, còn nợ lại 14.770.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận: Vợ chồng anh T1, chị O viết hợp đồng vay vợ chồng ông N, bà P số tiền 10 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất 6.6%/năm; số tiền 4.770.000.000 đồng vợ chồng anh

T1, chị O nợ lại và không tính lãi suất; vợ chồng ông N, bà P nói khi nào vợ chồng anh T1, chị O trả số tiền 4.770.000.000 đồng thì sẽ giao cho ông C quản lý và yêu cầu ông C chỉ sử dụng số tiền này vào việc khám chữa bệnh, thuê người chăm sóc cho vợ chồng ông N, bà P và vợ chồng ông C khi về già. Hai bên đã thống nhất quy đổi số tiền 4.770.000.000 đồng ra vàng là 90 cây vàng 9999 và vợ chồng ông N, bà P yêu cầu ông C viết giấy biên nhận ngày 24/5/2022 với nội dung: Vợ chồng ông N giao cho ông C giữ hộ 90 cây vàng 9999. Ông C xác nhận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận ngày 24/5/2022 là của ông C. Tuy nhiên, ông C khẳng định thực tế không có việc vợ chồng ông N, bà P giao ông C giữ hộ 90 cây vàng 9999. Ông C ký vào Giấy biên nhận 90 cây vàng 9999 là do vợ chồng ông N, bà P có chuyển nhượng cho vợ chồng anh T1, chị O nhà đất nêu trên. Vì vậy ông C không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc ông C phải trả lại 90 cây vàng 9999 vì đây là giao dịch giả tạo nhằm che dấu giao dịch khác (giao dịch nợ tiền giữa vợ chồng T1, O và vợ chồng ông N, bà P phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương trình B:

Bà P nhất trí với lời trình bày của ông N về nguồn gốc 90 cây vàng 9999 và việc vợ chồng bà có gửi ông Nguyễn Văn C (em trai bà) số vàng này. Vợ chồng bà P đã nhiều lần yêu cầu ông C trả số vàng này nhưng ông C không trả, còn có thái độ thách thức, không tôn trọng vợ chồng bà. Nay bà P nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người làm chứng là anh Hoàng Thanh T1, chị Nguyễn Kiều O và anh Nguyễn Văn D1 trình bày:

Chị O và anh D1 là con trai ông C, anh T1 là chồng chị O. Chị O, anh T1 và anh D1 xác nhận các anh chị là người ký nhận người làm chứng trong giấy biên nhận ngày 24/5/2022 với nội dung: Vợ chồng ông N, bà P giao cho ông C giữ hộ 90 cây vàng 9999. Tuy nhiên thực tế không có việc vợ chồng ông N, bà P giao cho ông C giữ hộ 90 cây vàng 9999. Lý do ông C, chị O, anh T1 và anh D1 ký vào giấy biên nhận này xuất phát từ việc vợ chồng ông N, bà P có chuyển nhượng cho vợ chồng chị O, anh T1 nhà đất tại địa chỉ F L, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh với giá là 16 tỷ đồng. Ngay khi ký hợp đồng vợ chồng chị O, anh T1 đã thanh toán 1.230.000.000 đồng cho vợ chồng ông N, bà P. Số tiền còn nợ lại ông N, bà P là 14.770.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận: Số tiền 10 tỷ đồng vợ chồng chị O, anh T1 lập hợp đồng vay tiền của vợ chồng ông N, bà P, thời hạn vay 5 năm, lãi suất 6.6%/năm; số tiền 4.770.000.000 đồng vợ chồng chị O, anh T1 phải trả cho ông N, bà P thì giao cho ông C, không tính lãi suất và không xác định thời hạn trả. Vợ chồng ông N đã nhất trí để ông C quản lý số tiền 4.770.000.000 đồng của ông N, bà P và thống nhất quy đổi ra vàng tại thời điểm đó tương đương số tiền là 90 cây vàng 9999 (tương đương số tiền 4.770.000.000 đồng), thực tế không có việc giao nhận và giữ hộ 90 cây vàng 9999 giữa hai bên.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu quyết định:

1. Căn cứ vào các Điều 554, 556, 557, 559 Bộ luật Dân sự 2015.

1.1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của ông Lê Nguyên N đối với ông Nguyễn Văn C.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả lại vợ chồng ông Lê Nguyên N, bà Nguyễn Thị P 90 cây vàng 9999, tính trị giá thành tiền là 7.380.000.000đồng (bảy tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

* Ngày 04/10/2024 ông Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C đồng ý trả cho ông N số tiền 4.770.000.000đ (trả thay cho vợ chồng anh T1 và chị O)

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận sự tự nguyện của ông C trả cho ông N số tiền 4.770.000.000đ (trả nợ thay cho vợ chồng anh T1 và chị O)

Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Giấy biên nhận ngày 24/5/2022 thể hiện nội dung: “*Ông Nguyễn Văn C nhận của ông Lê Nguyên N và bà Nguyễn Thị P 90 (chín mươi) cây vàng 9999*”; có ký nhận của bên giao là ông N, bên nhận là ông C và những người làm chứng là anh T1, anh D1, chị O (các con ông C). Các đương sự đều thừa nhận giấy này là có thật, chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận đúng là chữ ký chữ viết của ông N, ông C, chị O, anh D1 và anh T1; các bên xác lập giấy này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Vì vậy đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N căn cứ vào giấy biên nhận ngày 24/5/2022 để kiện đòi ông C trả lại 90 cây vàng 9999. Ông C cho rằng không có việc vợ chồng ông N, bà P giao cho ông C giữ hộ 90 cây vàng 9999 mà thực tế là ông C nhận giữ hộ số tiền 4.770.000.000 đồng (*tiền vợ chồng chị O, anh T1 còn nợ ông N khi mua nhà*) của vợ chồng ông N, tại thời điểm này số tiền đó có giá trị tương đương 90 cây vàng 9999 nên đã viết vào giấy biên nhận như thế; chị O, anh T1 và anh D1 cũng có lời khai giống lời khai của ông C. Tuy nhiên ông C, chị O, anh T1 và anh D1 không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy giấy biên nhận 24/5/2022 là hợp đồng gửi giữ tài sản giữa ông N và ông C, hợp đồng không có thời hạn, không có thù lao; theo đó ông C nhận giữ hộ ông N, bà P 90 cây vàng 9999. Tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; người làm chứng là các con của ông C cũng đều đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng gửi giữ tài sản giữa ông N và ông C có hiệu lực, các bên ký kết phải có nghĩa vụ thực hiện. Khi ông N có nhu cầu sử dụng tài sản đã yêu cầu ông C trả lại vàng nhưng ông C không trả, do đó ông N khởi kiện ông C để đòi tài sản là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Tiến Dũng